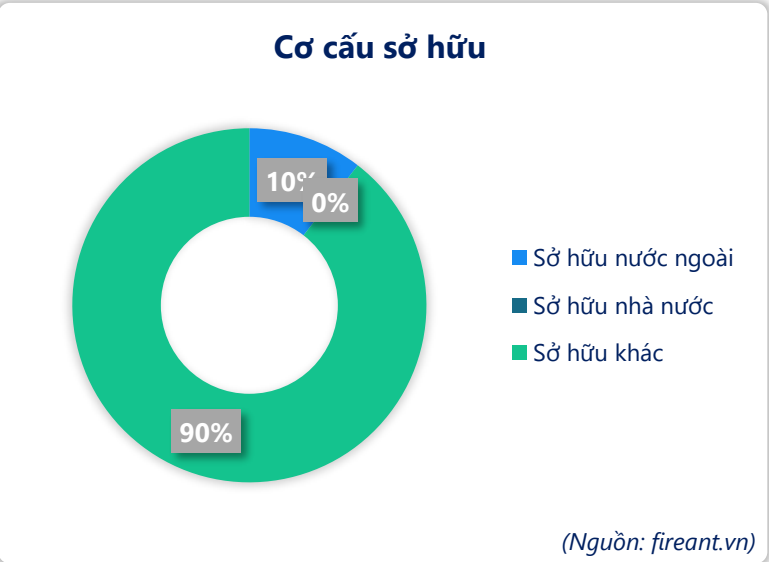
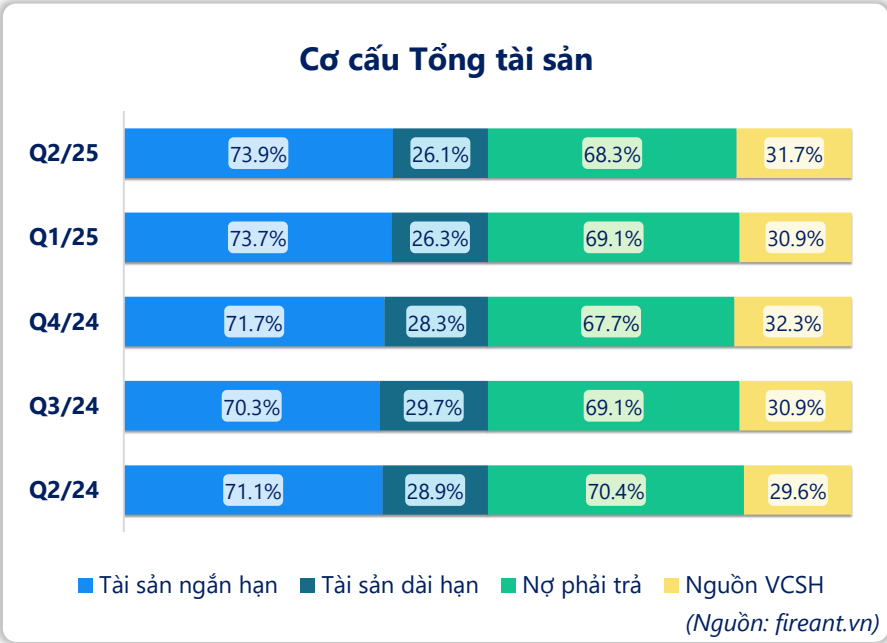
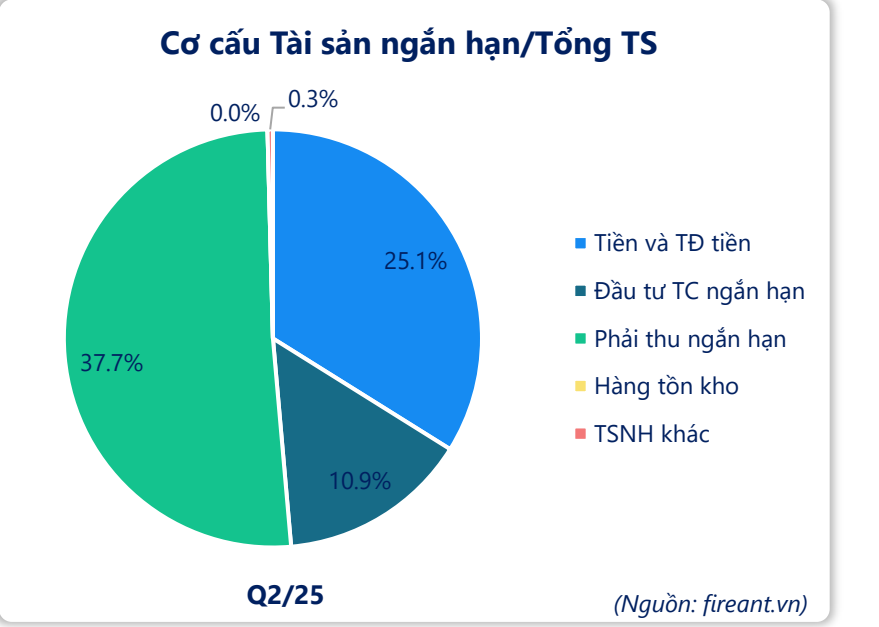
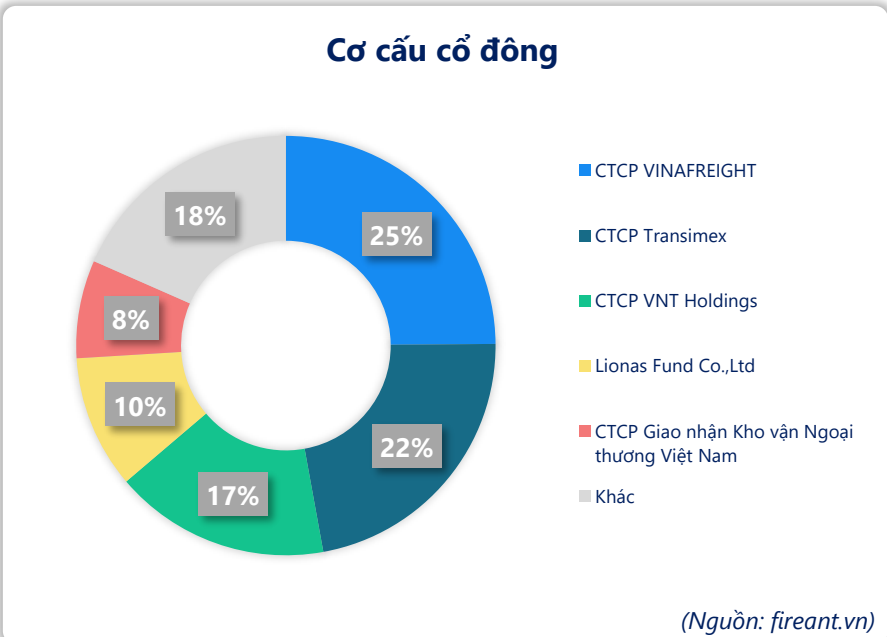
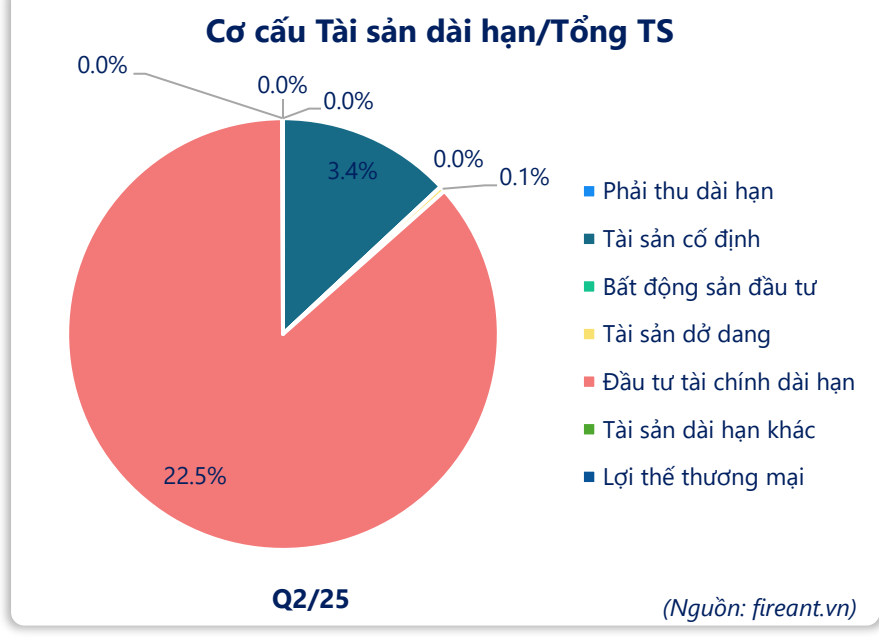
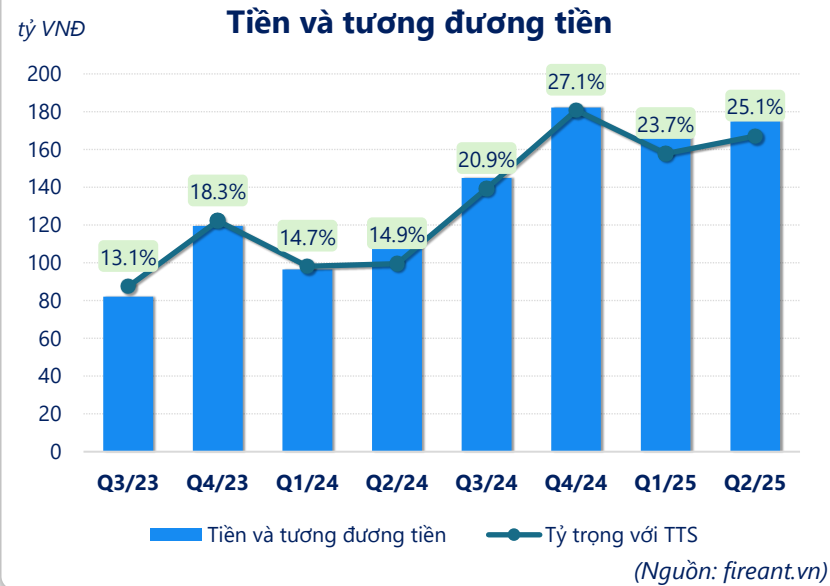
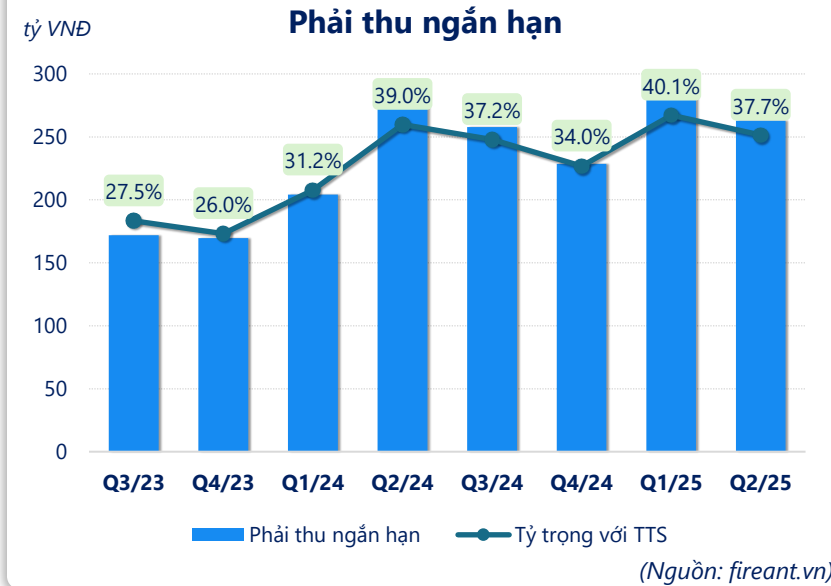
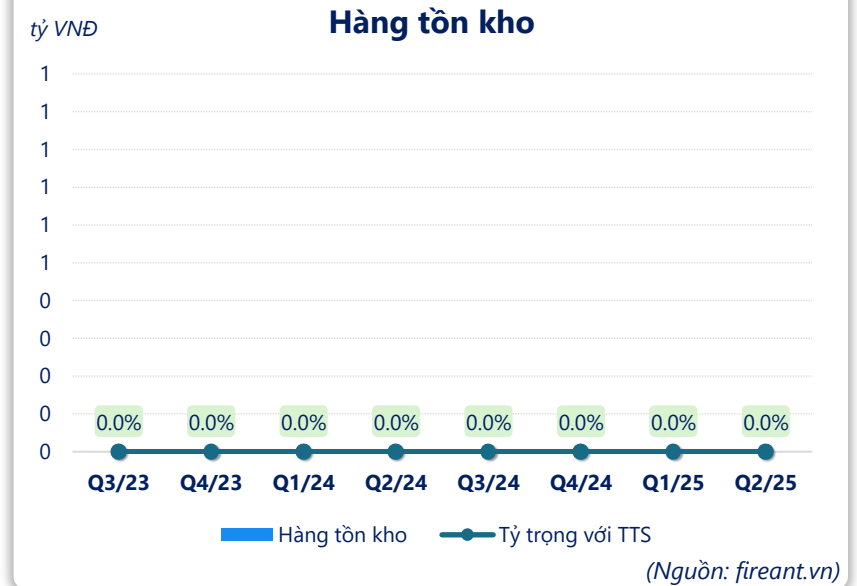
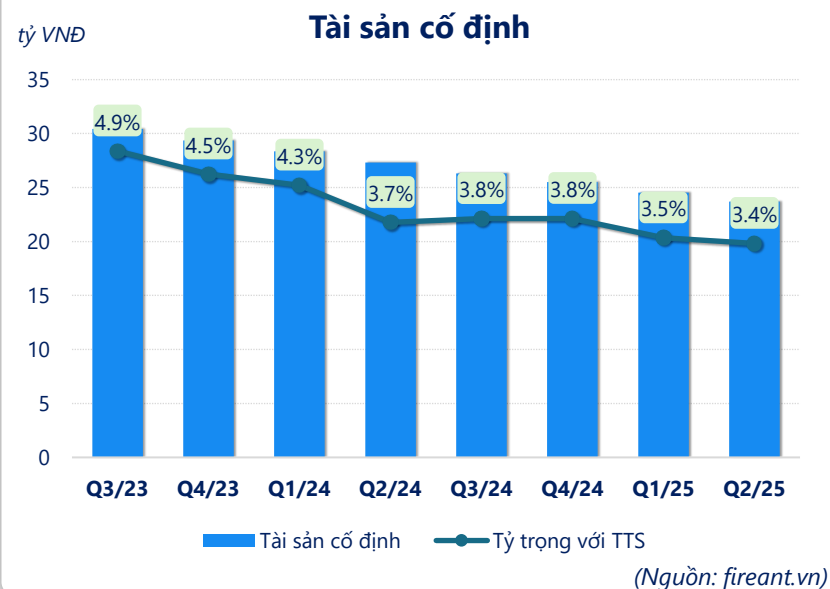
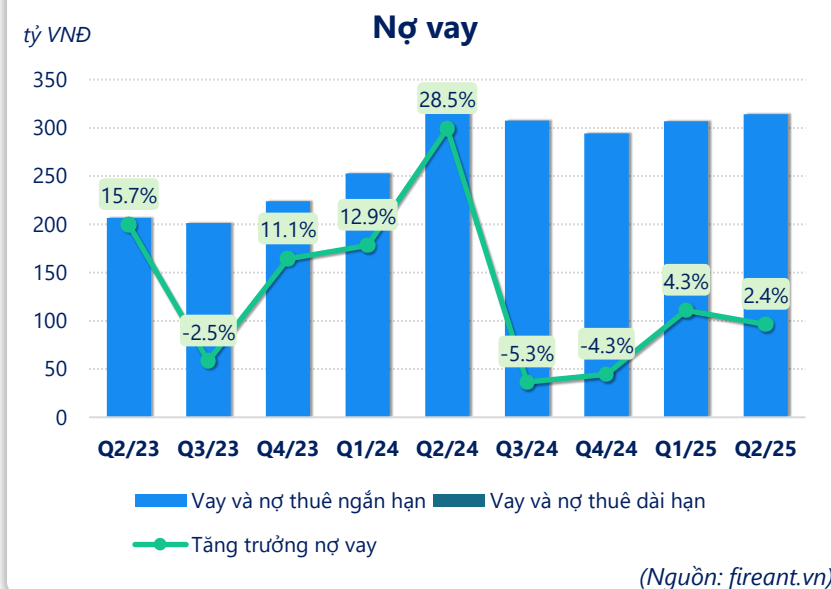
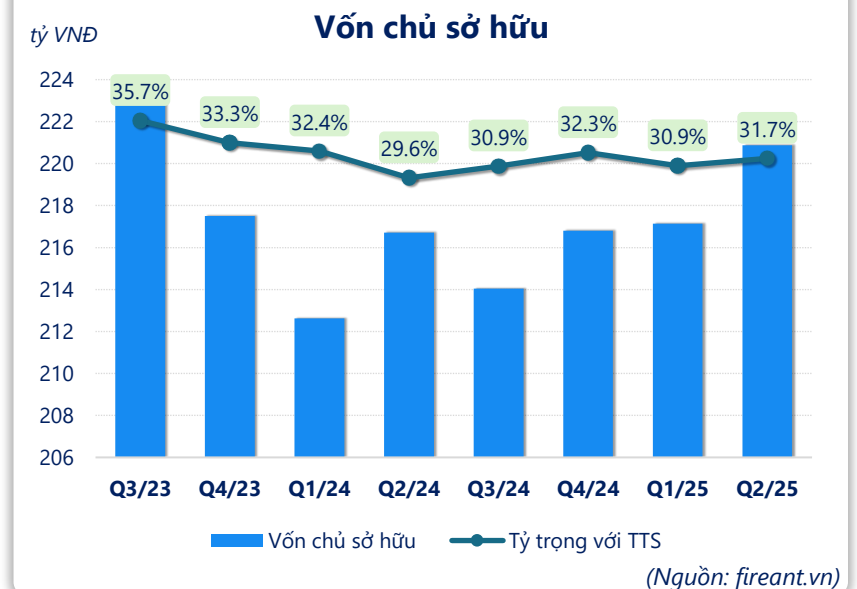
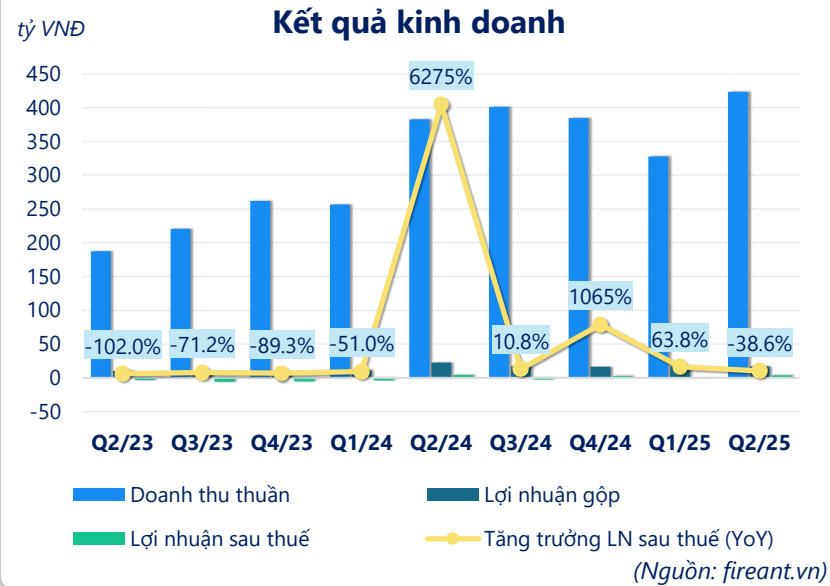
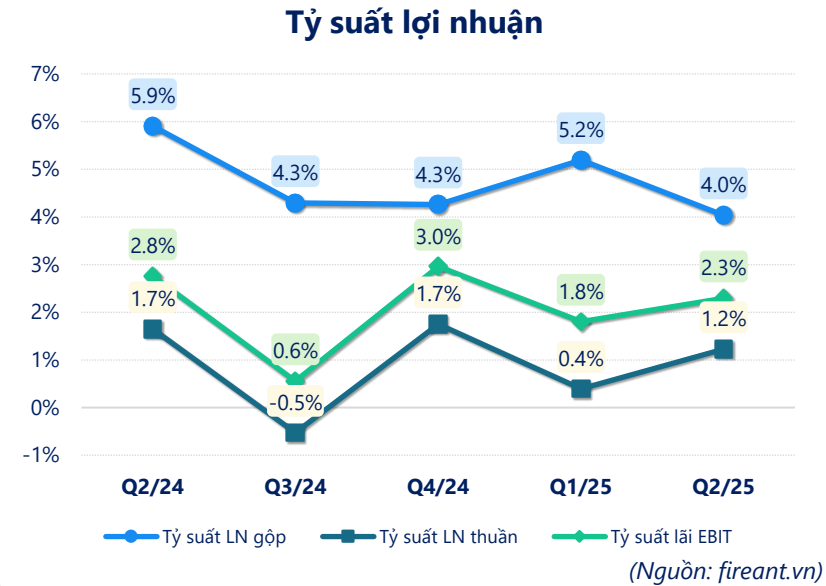
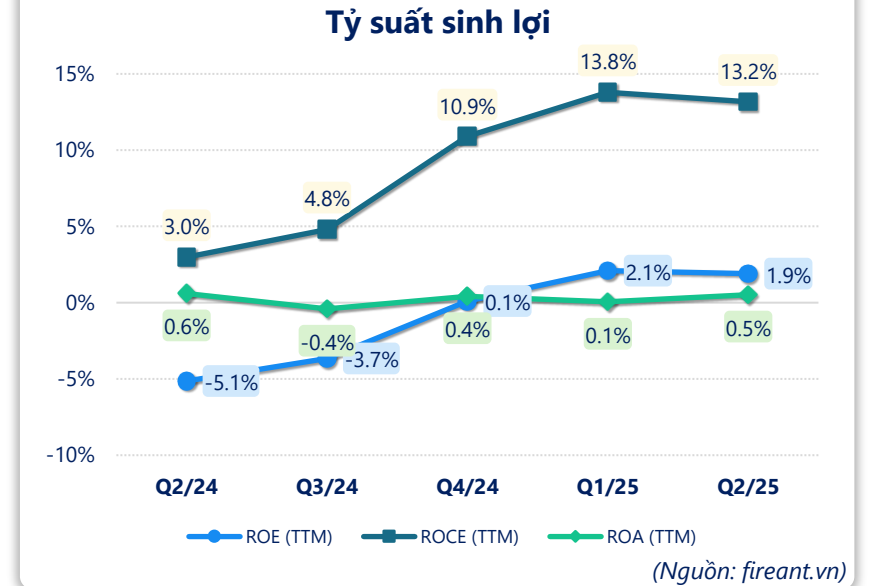
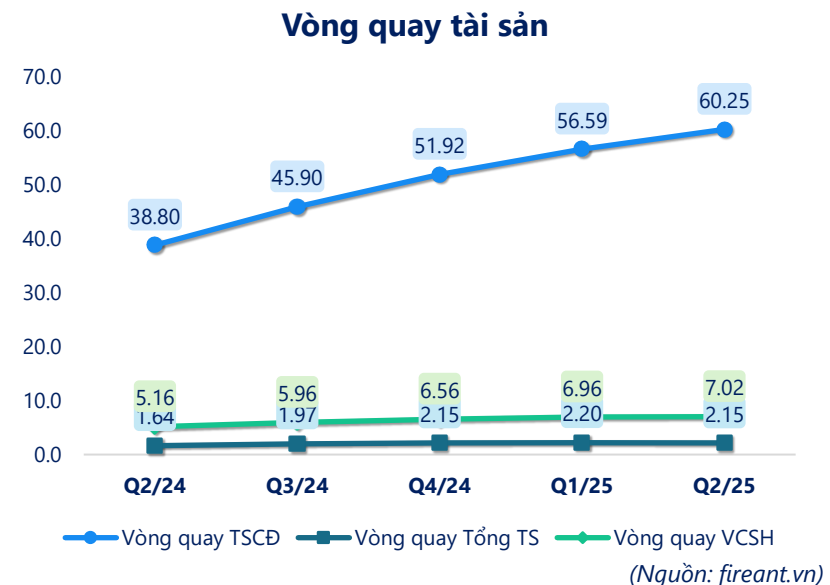
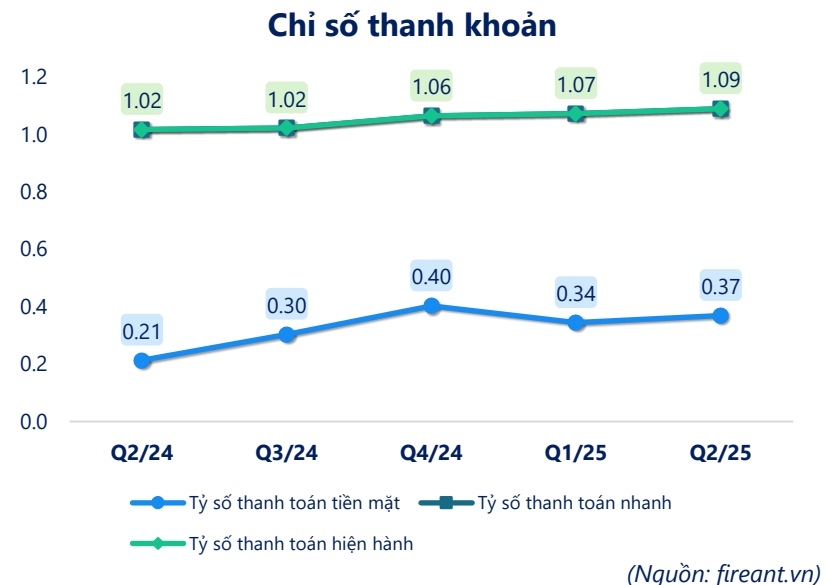
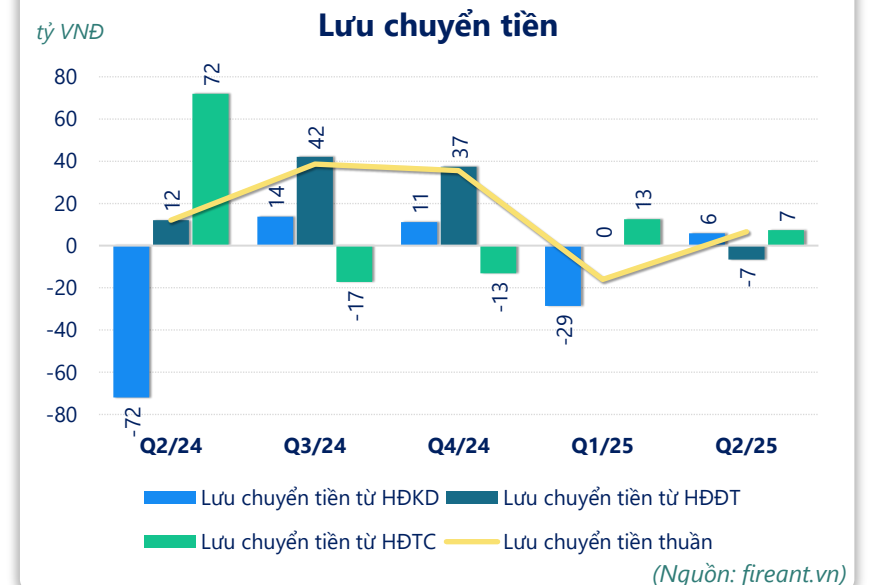


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,400
SL cổ phiếu LH		16,644,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		406
P/E		97.4
EPS		251

	YTD	1T	3T	6T
VNT	-12.5%	0.0%	-22.0%	-22.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	698	672	3.8%
Tài sản ngắn hạn	516	482	7.1%
Tiền và tương đương tiền	175	182	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.9	67.1	13.2%
Phải thu ngắn hạn	263	229	15.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	2.13	3.70	-42.3%
Tài sản dài hạn	182	190	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.7	25.5	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.74	0.74	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	157	164	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.14	-10.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	477	455	4.7%
Nợ ngắn hạn	474	453	4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	314	294	6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	128	126	1.3%
Nợ dài hạn	2.88	2.38	21.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	221	217	1.9%
Vốn chủ sở hữu	221	217	1.9%
Vốn điều lệ	167	167	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	382	401	384	328	424
Giá vốn hàng bán	360	384	368	311	407
Lợi nhuận gộp	22.6	17.2	16.4	17.0	17.1
Doanh thu HĐTC	3.91	2.70	16.4	1.61	3.70
Chi phí TC	4.55	8.02	4.91	4.28	4.85
Chi phí lãi vay	3.92	4.43	4.39	4.08	4.42
LN trong công ty LKLD	-7.10	-4.57	-14.1	-4.48	-2.45
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.53	9.43	7.07	8.58	8.29
LN thuần từ HĐKD	6.31	-2.12	6.72	1.29	5.19
Lợi nhuận khác	0.30	-0.09	0.26	0.54	0.10
LN trước thuế	6.61	-2.20	6.98	1.83	5.29
Lợi nhuận sau thuế	4.09	-2.67	2.75	0.34	3.74
LNST của CĐ cty mẹ	4.09	-2.67	2.75	0.34	3.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-72.0	13.7	11.2	-28.7	5.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.0	42.1	37.4	0.10	-6.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	71.9	-17.2	-13.1	12.5	7.32
Tiền đầu kỳ	96.5	109	145	182	167
Lưu chuyển tiền thuần	12.0	38.6	35.5	-16.0	6.65
Ảnh hưởng tỷ giá	0.75	-2.96	1.78	0.32	1.65
Tiền cuối kỳ	109	145	182	167	175

(Nguồn: fireant.vn)